

Phó Phòng Phân tích
Nguyễn Thanh Hoa
hoa.nt@shs.com.vn

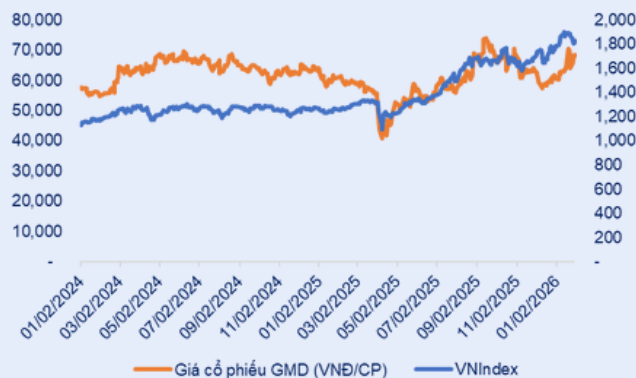
Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**

Giá hiện tại (03/02/2026): **72.900 VND**

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	31,091.49
Số lượng CP lưu hành:	426,495,109
KLCP đang niêm yết:	426,495,109
KLGD trung bình 10 phiên (CP):	2,509,440
Giá thấp 52w:	40.800
Giá cao 52w:	74.000
Sở hữu nước ngoài:	~41%
Sở hữu NĐT khác:	~59%

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

Các chỉ số tài chính

ĐVT: tỷ VNĐ	2023	2024	2025
Tổng tài sản	13,546	17,998	19,777
VCSH	9,732	13,772	14,860
Doanh thu	3,846	4,832	5,946
LNST	2,534	1,924	2,224
ROE	29.0%	13.9%	13.2%
ROA	16.9%	9.2%	8.9%
EPS (VND)	7,207	4,276	3,666
BVPS (VND)	28,050	29,909	30,680

KẾT QUẢ KINH DOANH 2025 VƯỢT KẾ HOẠCH

- **Triển vọng ngành cảng biển tích cực, cảng nước sâu dẫn dắt tăng trưởng.** Ngành cảng hưởng lợi từ xu hướng gia tăng kích cỡ tàu, đầu tư mạnh vào hạ tầng cảng và logistics hậu cần. Trong đó, các cảng nước sâu có lợi thế vượt trội nhờ khả năng tiếp nhận tàu lớn và quyền lực định giá tốt hơn. Từ 2026, chu kỳ tăng giá dịch vụ cảng nước sâu được kỳ vọng mở ra, hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận trung dài hạn cho toàn ngành.
- **KQKD 2025 bứt phá: doanh thu kỷ lục, lợi nhuận tiệm cận đỉnh lịch sử.** Doanh thu thuần năm 2025 đạt 5.945 tỷ đồng, tăng khoảng 23% YoY, vượt kế hoạch; LNST đạt ~2.224 tỷ đồng (+16% YoY), cao thứ hai trong lịch sử. Tăng trưởng đến từ cả hoạt động kinh doanh cốt lõi, lãi thoái vốn và đặc biệt là đóng góp ngày càng lớn từ các công ty liên kết.
- **Mảng khai thác cảng giữ vai trò trụ cột, logistics phục hồi rõ rệt.** Hoạt động khai thác cảng tiếp tục là động lực chính nhờ nhu cầu XNK duy trì tích cực và Nam Đình Vũ giai đoạn 3 đi vào vận hành từ Q4/2025. Mảng logistics ghi nhận mức tăng trưởng cao, đóng vai trò bổ trợ quan trọng trong hệ sinh thái cảng – logistics khép kín, giúp nâng hiệu quả khai thác và giữ chân khách hàng lớn.
- **Gemalink yếu tố cốt lõi cho tăng trưởng dài hạn của GMD.** Gemalink duy trì vị thế cảng nước sâu hàng đầu tại Cái Mép – Thị Vải, với sản lượng và lợi nhuận tăng trưởng vượt trội. Quyền lực định giá tốt trong bối cảnh các cảng lân cận quá tải giúp Gemalink đóng góp ngày càng lớn vào LN ròng của GMD. Giai đoạn 2A dự kiến vận hành cuối 2027 sẽ bổ sung ~900.000 TEU (+60% công suất), mở rộng dư địa tăng trưởng dài hạn.
- **Triển vọng 2026-2027 tích cực nhờ tăng trưởng kép từ sản lượng và giá.** Doanh thu khai thác cảng của GMD dự phóng tăng trưởng bình quân ~15%/năm giai đoạn 2025–2027, nhờ kết hợp mở rộng công suất và cải thiện mặt bằng giá dịch vụ. Lợi nhuận ròng cốt lõi năm 2026 được kỳ vọng vượt 2.000 tỷ đồng (+~23%), phản ánh sự cải thiện đồng đều trên toàn hệ thống cảng.
- **Nền tảng tài chính vững chắc, định giá hấp dẫn, yếu tố cổ đông hỗ trợ.** GMD sở hữu bảng cân đối lành mạnh với tiền mặt lớn, đòn bẩy thấp và dư địa đầu tư dài hạn. Cổ phiếu đang giao dịch ở mức định giá thấp hơn trung bình lịch sử trong khi lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng mới. Áp lực cung giảm đáng kể sau khi cổ đông lớn thoái vốn, đồng thời nhóm NĐT tổ chức dài hạn gia tăng sở hữu, củng cố niềm tin vào triển vọng trung dài hạn của doanh nghiệp.

I. BỐI CẢNH NGÀNH & CHÍNH SÁCH

- **Triển vọng ngành cảng biển:** Các cảng nước sâu sẽ có hiệu suất vượt trội so với mặt bằng chung của ngành, nhờ xu hướng gia tăng kích cỡ tàu, cùng với việc đẩy mạnh đầu tư hạ tầng cảng và hạ tầng hỗ trợ, qua đó nâng cao năng lực khai thác và vị thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, đề xuất nâng phí dịch vụ tại các cảng nước sâu được kỳ vọng sẽ tiếp tục cải thiện biên lợi nhuận trong trung hạn.
- Ở góc độ toàn ngành, đầu tư đồng bộ vào hạ tầng cảng biển và logistics hậu cần sẽ là động lực quan trọng, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh trong trung và dài hạn. Theo quy hoạch mới, đến năm 2030, hai cụm cảng trọng điểm:
 - ✓ Hải Phòng đặt mục tiêu thông lượng đạt 215 triệu tấn, tương ứng CAGR ~12,4%/năm
 - ✓ TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu thông lượng đạt 253 triệu tấn, tương ứng CAGR ~6,1%/năm

Cảng nước sâu tại Hải Phòng

Cảng	Công ty	Thời gian hoạt động / Dự kiến khai thác	Công suất (triệu TEU/năm)	Cỡ tàu tiếp nhận (DWT)
Lạch Huyện 1,2	HICT	Từ năm 2018	1,1	100000
Lạch Huyện 3,4	PHP	Q2/2025	1,1	100000
Lạch Huyện 5,6	Hateco	Q1/2025	1,8	200000
Nam Đình Vũ	GMD	Q2/2025	1,75	48.000 – 70.000
Lạch Huyện 7,8	SNP	Q2/2026	1,5	160000
Lạch Huyện 9,10	-	2026 – 2030	-	12.000 – 18.000 (TEU)
Lạch Huyện 11,12	-	2030 – 2035	-	12.000 – 18.000 (TEU)

Cảng nước sâu tại Tp.HCM

Cảng	Công ty	Hãng tàu / Liên minh hợp tác	Công suất (triệu TEU/năm)	Cỡ tàu tiếp nhận (DWT)
CMIT	VIMC	Maersk – Gemini Cooperation	1,3 – 1,5	160.000 – 200.000
TCIT + TCTT	SNP	The Premier	2,4	140.000 – 160.000
SSIT	VIMC	SSA Holdings Intl., MSC	1,0	160.000 – 200.000
Gemalink GD1	GMD	CMA-CGM	1,5 – 2,0	200.000 – 230.000
SP-PSA	VIMC	MSC	0,6 – 0,8	80.000 – 120.000

II. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

Kết quả kinh doanh Quý IV.2025

- **Doanh thu Q4/2025 tăng trưởng nhờ mảng cảng dẫn dắt và logistics phục hồi.** Doanh thu Q4/2025 của GMD đạt 1.614 tỷ đồng, tăng 14,4% YoY, chủ yếu nhờ mảng khai thác cảng. Doanh thu cảng tăng 12,2% YoY, được hỗ trợ bởi Nam Đình Vũ giai đoạn 3 đi vào khai thác với sản lượng tăng 17,8% YoY. Bên cạnh đó, mảng logistics tăng mạnh 35,0% YoY, cho thấy nhu cầu dịch vụ hậu cần đã cải thiện rõ rệt.
- **Biên lợi nhuận cải thiện nhờ tăng phí xếp dỡ.** Biên lợi nhuận gộp Q4/2025 đạt 47,4% (+2,9% YoY), chủ yếu nhờ mảng cảng trong bối cảnh phí xếp dỡ được điều chỉnh tăng trong năm 2025. Riêng mảng cảng ghi nhận biên lợi nhuận tăng +1,5% YoY. Lũy kế cả năm 2025, biên lợi nhuận gộp đạt 45,7% (+0,9% YoY).
- **Lợi nhuận liên kết vượt trội - Gemalink tiếp tục là động lực chính.** Lợi nhuận từ công ty liên kết Q4/2025 đạt 389 tỷ đồng. Ước tính Gemalink xử lý khoảng 500.000 TEU trong quý IV (+5,8% QoQ; +16,8% YoY), đưa sản lượng cả năm 2025 lên khoảng 1,8 triệu TEU (+~35% YoY), đóng góp ngày càng lớn vào LN ròng của GMD.
- **LN ròng Q4/2025 bứt phá nhờ lợi nhuận liên kết và hoàn nhập chi phí tài chính.** LN ròng Q4/2025 của GMD đạt 513 tỷ đồng, tăng hơn gấp đôi svck, chủ yếu nhờ đóng góp vượt trội từ các công ty liên kết cùng với việc hoàn nhập chi phí tài chính trong kỳ. So với Q4/2024 là thời điểm ghi nhận chi phí trích lập liên quan đến kế hoạch thoái vốn mảng cao su, thì mức tăng trưởng mạnh này đã loại bỏ các yếu tố đột biến, đồng thời cho thấy nền tảng lợi nhuận cốt lõi đã được cải thiện rõ nét.

II. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 (TIẾP)

Kết quả kinh doanh năm 2025

Động lực tăng trưởng chính

- **Mảng khai thác cảng:**
 - Tiếp tục giữ vai trò trụ cột, đóng góp phần lớn tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
 - Hưởng lợi từ nhu cầu xuất nhập khẩu duy trì tích cực hơn kỳ vọng.
- **Logistics:**
 - Duy trì tăng trưởng ổn định, bổ trợ cho hệ sinh thái cảng – logistics khép kín.
- **Công ty liên kết - Gemalink:**
 - Đóng góp lợi nhuận vượt trội.
 - Gia tăng đáng kể giá trị khoản đầu tư và quy mô vốn chủ sở hữu của GMD.

KQKD cả năm 2025: Doanh thu lập kỷ lục, lợi nhuận tiệm cận đỉnh lịch sử.

- Doanh thu thuần đạt 5.945 tỷ đồng, tăng 23% YoY, vượt 23% kế hoạch.
- LNST đạt ~2.224 tỷ đồng, tăng 16% YoY, là mức cao thứ hai trong lịch sử, chỉ sau năm 2023 và vượt 25% kế hoạch lợi nhuận.
- Động lực tăng trưởng chính trong năm đến từ: (i) hoạt động cốt lõi đóng góp thêm khoảng +314 tỷ đồng; (ii) lãi tài chính từ thoái vốn Nam Hải khoảng +160 tỷ đồng; và (iii) lãi từ công ty liên kết (Gemalink) tăng mạnh +327 tỷ đồng. Mức tăng này được bù trừ một phần bởi chi phí thuế cao hơn.

Các khoản mục tài chính & bảng cân đối: Lành mạnh, dư địa đầu tư lớn.

- Tổng tài sản đạt khoảng 19.800 tỷ đồng, tăng 10% YoY.
- Tiền và tiền gửi ở mức cao, khoảng 4.275 tỷ đồng, đảm bảo thanh khoản và khả năng đầu tư mở rộng.
- Đòn bẩy thấp, với nợ vay/VCSH ~0,17 lần.
- Vốn chủ sở hữu ~14.900 tỷ đồng, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho tăng trưởng trung dài hạn.

III. TRIỂN VỌNG & ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG 2026-2027

1. Hệ sinh thái cảng - logistics mở rộng, tạo dư địa tăng trưởng bền vững. GMD sở hữu mạng lưới cảng và logistics trải dài tại hai đầu tàu kinh tế Bắc – Nam, giúp doanh nghiệp tận dụng tối đa đà tăng trưởng của hoạt động sản xuất, xuất khẩu và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng vào Việt Nam.

2. Miền Bắc tăng trưởng ổn định, dư địa sản lượng rõ rệt. Khu vực miền Bắc duy trì mức tăng trưởng sản lượng 4-5%/năm nhờ nền tảng công nghiệp – xuất khẩu vững chắc. Việc đưa Nam Đình Vũ giai đoạn 3 vào khai thác từ Q4/2025 sẽ mở rộng công suất, trở thành động lực tăng sản lượng chính trong giai đoạn 2026-2027.

3. Miền Nam bứt phá nhờ cảng nước sâu Gemalink

Gemalink giữ vị thế cảng nước sâu hàng đầu khu vực Cái Mép – Thị Vải, hưởng lợi từ tình trạng quá tải và hạn chế mở rộng của các cảng lân cận. Nhờ đó, Gemalink sở hữu quyền lực định giá vượt trội, với khả năng tăng phí dịch vụ 6-10%, đóng vai trò động cơ lợi nhuận cốt lõi của GMD.

4. Chu kỳ tăng trưởng mới của ngành cảng được dẫn dắt bởi yếu tố giá

Giá dịch vụ cảng nước sâu được kỳ vọng bước vào chu kỳ tăng từ năm 2026, tạo nền tảng cải thiện biên lợi nhuận cho toàn ngành. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu duy trì ổn định và Việt Nam tiếp tục hưởng lợi từ mạng lưới FTA, GMD là doanh nghiệp có khả năng chuyển hóa tốt nhất yếu tố giá vào lợi nhuận.

III. TRIỂN VỌNG & ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG 2026-2027 (TIẾP)

5. Tăng trưởng đến từ cả sản lượng và giá dịch vụ. Doanh thu khai thác cảng của GMD dự phóng tăng trưởng bình quân khoảng 15%/năm giai đoạn 2025–2027, nhờ kết hợp mở rộng công suất và cải thiện mặt bằng giá. Song song đó, hệ sinh thái logistics khép kín giúp tối ưu hiệu quả khai thác, giữ chân khách hàng lớn và nâng cao biên lợi nhuận.

6. Gemalink tiếp tục là động lực lợi nhuận chủ đạo. Gemalink giai đoạn 2A dự kiến vận hành cuối năm 2027, bổ sung khoảng 900.000 TEU (+60% công suất). Với tỷ lệ lấp đầy cao ngay sau khi vận hành và lộ trình tăng phí dịch vụ từ 2026, biên lợi nhuận mảng cảng được kỳ vọng mở rộng mạnh trong chu kỳ mới.

7. Triển vọng lợi nhuận tích cực từ 2026. Lợi nhuận ròng cốt lõi năm 2026 được kỳ vọng vượt 2.000 tỷ đồng (+~23%), nhờ đóng góp ổn định từ Gemalink và cải thiện biên lợi nhuận trên toàn hệ thống cảng.

8. Nền tảng tài chính vững, sẵn sàng cho tăng trưởng dài hạn. Kế hoạch tái cơ cấu danh mục (thoái vốn mảng cao su, khả năng chuyển nhượng một phần Gemalink từ 2026) sẽ mang lại nguồn tiền lớn, giúp GMD chủ động tái đầu tư vào các dự án quy mô như Trung tâm Logistics Cái Mép Hạ, củng cố vị thế trong chuỗi logistics tích hợp và kéo dài runway tăng trưởng.

9. Rủi ro ở mức kiểm soát được. Các rủi ro như chậm tiến độ Gemalink 2A, suy giảm FDI hay biến động chính sách thuế trung chuyển cần theo dõi, nhưng hiện chưa đủ lớn để làm thay đổi triển vọng tăng trưởng trung dài hạn của GMD.

IV. QUAN ĐIỂM ĐẦU TƯ

GMD được đánh giá là cổ phiếu ưu tiên trong năm 2026, dựa trên các luận điểm đầu tư then chốt:

1. Lợi thế cạnh tranh bền vững từ hệ sinh thái cảng - logistics tích hợp. GMD sở hữu hệ sinh thái cảng biển và logistics khép kín, giúp tối ưu hiệu quả khai thác, gia tăng khả năng giữ chân khách hàng lớn và nâng cao biên lợi nhuận trong dài hạn.

2. Động lực tăng trưởng rõ ràng từ mở rộng công suất và chu kỳ tăng giá. Các dự án mở rộng trọng điểm như Nam Đình Vũ giai đoạn 3 và Gemalink giai đoạn 2A tạo dư địa tăng trưởng sản lượng trong trung dài hạn. Đồng thời, ngành cảng nước sâu bước vào chu kỳ tăng giá dịch vụ, giúp GMD hưởng lợi kép từ cả sản lượng và mặt bằng giá.

3. Định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng. Ở mặt bằng hiện tại, cổ phiếu GMD đang được giao dịch với P/E và EV/EBITDA thấp hơn mức trung bình lịch sử, tạo biên an toàn hấp dẫn cho nhà đầu tư trong bối cảnh lợi nhuận bước vào chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2026.

4. Rủi ro thuế quan từ Mỹ ở mức thấp trong ngắn hạn. Trong bối cảnh dòng chảy thương mại toàn cầu và hoạt động trung chuyển qua Việt Nam vẫn duy trì ổn định, rủi ro liên quan đến chính sách thuế quan từ Mỹ được đánh giá ở mức thấp trong ngắn hạn, chưa tạo áp lực đáng kể lên triển vọng kinh doanh của GMD.

5. Cổ đông dài hạn gia tăng tỷ trọng. Việc Công ty TNHH SSJ Consulting (Việt Nam) thoái toàn bộ 19,7 triệu cổ phiếu GMD (4,62%) và không còn là cổ đông lớn kể từ ngày 20/01/2026 đã giúp giải tỏa áp lực cung kéo dài trên thị trường. Ngược lại, nhóm cổ đông liên quan đến VinaCapital liên tục gia tăng tỷ lệ sở hữu, chính thức trở thành cổ đông lớn từ giữa tháng 10 và nâng tỷ lệ nắm giữ lên 6,11% tính đến ngày 23/01/2026, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư tổ chức dài hạn vào triển vọng tăng trưởng và chiến lược phát triển của GMD.

PHỤ LỤC

Bảng cân đối kế toán			
(tỷ VND)	2023	2024	2025
Tài sản ngắn hạn	3,380	6,674	6,110
Tiền/tương đương tiền	1,472	3,964	1,618
Đầu tư ngắn hạn	359	1,021	2,657
Các khoản phải thu	1,193	1,236	1,396
Hàng tồn kho	68	83	86
Tài sản khác	288	369	353
Tài sản dài hạn	10,166	11,324	13,667
Tài sản cố định	4,166	4,033	5,630
Đầu tư dài hạn	3,125	3,854	4,937
TS dở dang dài hạn	1,759	1,718	1,241
TS dài hạn khác	1,076	1,674	1,814
Tổng tài sản	13,546	17,998	19,777
Nợ ngắn hạn	1,915	2,101	2,350
Phải trả người bán	518	487	566
Người mua trả tiền trước	4	8	10
Vay nợ ngắn hạn	445	422	308
Chi phí phải trả	318	230	356
Nợ dài hạn	1,898	2,125	2,567
Vay nợ dài hạn	1,518	1,745	2,082
Nợ dài hạn khác	105	116	231
Tổng nợ phải trả	3,814	4,226	4,917
Vốn chủ sở hữu	9,732	13,772	14,860
Vốn góp	3,059	4,140	4,265
Thặng dư vốn cổ phần	1,942	3,920	3,920
Lợi nhuận giữ lại	2,964	3,617	4,158
Tổng nợ và vốn CSH	13,546	17,998	19,777

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
(tỷ VND)	2023	2024	2025
LCTT từ HĐ kinh doanh	(3)	1,527	1,492
LCTT từ HĐ đầu tư	915	(1,376)	(2,827)
LCTT từ HĐ tài chính	(808)	2,339	(1,016)
LCTT trong kỳ	105	2,490	(2,351)
Tiền/tương đương tiền đầu kỳ	1,364	1,472	3,964
Tiền/tương đương tiền cuối kỳ	1,472	3,964	1,618

Ghi chú: Số liệu năm 2025 từ BCTC 2025 chưa kiểm toán

Báo cáo kết quả kinh doanh			
(tỷ VND)	2023	2024	2025
Doanh thu	3,846	4,832	5,946
Giá vốn hàng bán	(2,068)	(2,697)	(3,230)
Lợi nhuận gộp	1,778	2,135	2,715
Chi phí BH & QLDN	(661)	(822)	(1,088)
Lợi nhuận hoạt động	3,177	2,419	2,899
Doanh thu tài chính	1,941	426	227
Chi phí tài chính	(155)	(150)	(112)
Lợi nhuận khác	(30)	(320)	(393)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	274	829	1,156
Lợi nhuận trước thuế	3,147	2,099	2,506
Thuế TNDN	(614)	(175)	(282)
Lợi nhuận sau thuế	2,534	1,924	2,224
Lợi ích cổ đông thiểu số	283	468	547
LNST của cty mẹ	2,251	1,455	1,677
% Biên LNST	66%	40%	37%
EPS (VND)	7,207	4,276	3,666

Các chỉ số tài chính			
(tỷ VND)	2023	2024	2025
Chỉ số định giá			
SLCP lưu hành (triệu cp)	3,059	4,140	4,265
Chỉ số sinh lời			
Biên LNG	46.2%	44.2%	45.7%
Biên EBIT	29.0%	27.2%	27.4%
Biên LNST	65.9%	39.8%	37.4%
Doanh thu/TTS	28.4%	26.8%	30.1%
ROE	29.0%	13.9%	13.2%
ROA	16.9%	9.2%	8.9%
Chỉ số cơ cấu vốn			
Hệ số nợ /Tổng tài sản	0.28	0.23	0.25
Hệ số nợ /VCSH	0.39	0.31	0.33
Vốn vay / VCSH	0.20	0.16	0.16
Tổng tài sản / VCSH	1.39	1.31	1.33

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Tất cả những thông tin, dữ liệu và phân tích trong tài liệu này đã được thu thập, tổng hợp và xử lý một cách cẩn trọng tại thời điểm công bố. Tuy nhiên, SHS Research và tác giả không cam kết tính đầy đủ, chính xác tuyệt đối hay cập nhật liên tục của các thông tin được sử dụng. Mọi nội dung trình bày hoàn toàn không đại diện cho quan điểm chính thức của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS, trừ khi có ghi rõ.

Các quan điểm, mô hình và nhận định trong báo cáo phản ánh đánh giá chuyên môn độc lập của nhóm phân tích tại thời điểm viết, dựa trên các giả định cụ thể về bối cảnh kinh tế, chính sách và thị trường. Báo cáo này không cấu thành khuyến nghị đầu tư, lời mời gọi giao dịch, hay cam kết hiệu quả tài chính đối với bất kỳ loại tài sản nào, bao gồm nhưng không giới hạn ở cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa, bất động sản hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh.

Các nội dung trong báo cáo cũng không phải là tài liệu tư vấn chính sách chính thức, và không nhằm thay thế cho đánh giá độc lập của các cơ quan hoạch định hoặc các tổ chức ra quyết định điều hành kinh tế. Mọi phân tích về chính sách công chỉ mang tính tham khảo về mặt logic truyền dẫn và kịch bản giả định, không mang tính chỉ đạo hay phản biện chính sách cụ thể.

Chúng tôi khuyến nghị người đọc dù là nhà đầu tư tổ chức, cá nhân hay cán bộ hoạch định chính sách cần tự đánh giá độ phù hợp của thông tin với mục tiêu sử dụng, khẩu vị rủi ro, và bối cảnh pháp lý/kinh tế tại thời điểm xem xét. Các dự báo trong báo cáo mang tính mô hình, có thể thay đổi đáng kể khi các yếu tố đầu vào hoặc định hướng chính sách thay đổi.

Tài liệu này không được sử dụng để xây dựng hồ sơ chào bán chứng khoán, truyền thông tiếp thị sản phẩm tài chính, hoặc làm căn cứ pháp lý nếu không có phê duyệt rõ ràng từ Công ty Cổ Phần Chứng Khoán SHS.

Mọi hành vi sao chép, chia sẻ, trích dẫn một phần hoặc toàn bộ báo cáo cần tuân thủ quy định về bản quyền.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 41 Ngô Quyền,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý,
phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị
Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

-  Website: shs.com.vn
-  Tel: 1900 63 8588
-  Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn